TÒA ÁN N DÂN **KHU VỰC X – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2026/QĐCNHGT-DS	*Vĩnh Long, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Nguyễn Trọng N đại diện cho người khởi kiện là Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V và người bị kiện ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1;

Sau khi nghiên cứu:

Đơn khởi kiện "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đề ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc thỏa T giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện:

1. Công ty Cổ phần M ; Địa chỉ: Tầng Y, tòa nhà C, Số H, T1, Phường Y1, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền cho Công ty: Ông Nguyễn Trọng N.

2. Ngân hàng TMCP V (V); Địa chỉ: số T2, L, phường Đ, thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng: Ông Nguyễn Trọng N.

Người bị kiện: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp A, xã T3, tỉnh Vĩnh Long.

Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 01 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 01 năm 2026 cụ thể như sau:

1.1 Ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1 đồng ý trả cho Công ty Cổ phần M 04 hợp đồng tổng cộng bằng 2.208.253.054 đồng (trong đó vốn vay bằng 1.606.162.506 đồng; tiền lãi tính đến ngày 21/01/2026 bằng 602.090.548 đồng); Cụ thể: **(1)** Hợp đồng LN2305089090634 ngày 11/05/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 1.700.934.884 đồng (trong đó vốn gốc bằng 1.260.000.000 đồng; tiền lãi bằng 440.934.884 đồng); **(2)** PL01-HĐTD số LN2305089090634 ngày 26/08/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 391.590.010 đồng (trong đó vốn gốc bằng 288.000.000 đồng; tiền lãi bằng 103.590.010 đồng; **(3)** Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/05/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 109.230.734 đồng (trong đó vốn gốc bằng 54.418.709 đồng; tiền lãi bằng 54.812.025 đồng) **(4)** Hợp đồng mở thẻ tín dụng số 377-P-7593420 ngày 12/05/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 6.497.426 đồng; (trong đó vốn gốc bằng 3.743.797 đồng; tiền lãi bằng 2.753.629 đồng);

1.2. Ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1 đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP V 03 hợp đồng tổng cộng bằng 244.639.514 đồng (trong đó vốn gốc bằng 178.046.523 đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/01/2026 bằng 66.592.991 đồng); Cụ thể: **(1)** Hợp đồng số LN2305089090634 ngày 11/05/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 188.992.765 đồng (trong đó vốn gốc bằng 140.000.000 đồng; tiền lãi bằng 48.992.765 đồng); **(2)** PL01-HĐTD số LN2305089090634 ngày 26/08/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 43.510.001 đồng (trong đó vốn gốc bằng 32.000.000 đồng; tiền lãi bằng 11.510.001 đồng); **(3)** Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/05/2023 số tiền tạm tính đến ngày 21/01/2026 bằng 12.136.748 đồng (trong đó vốn gốc bằng 6.046.523 đồng; tiền lãi bằng 6.090.225 đồng);

Kể từ ngày 22/01/2026 *cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền nợ gốc chưa trả, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã ghi trong các hợp đồng đã ký cho đến khi thi hành án xong.*

2. Trường hợp ông Nguyễn Vĩnh T và bà Nguyễn Thị Ngọc M1 không trả được nợ nêu trên thì Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2305089090634/HĐTC ngày 10/05/2023 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 25/08/2023 để thu hồi nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V gồm các tài sản sau:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 147, diện tích 316m^2, tờ bản đồ số 3; tọa lạc Ấp A1, Xã A2, Huyện C1, Tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A1, xã A2, tỉnh Vĩnh Long), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP 890700, Số vào sổ cấp GCN: H00871 do UBND huyện C1, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 14/10/2009 do ông Nguyễn Vĩnh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76; diện tích 2.136,5m^2, tờ bản đồ số 3; tọa lạc Ấp A1, Xã A2, Huyện C1, Tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp A1, xã A2, tỉnh Vĩnh Long), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 729968, Số vào sổ cấp GCN: CS06517 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 28/01/2021, do ông Nguyễn Vĩnh T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về chi phí hòa giải tại Tòa án: Các đương sự không phải chịu chi phí hòa giải theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KVX- Vĩnh Long;
- Phòng THADS KVX- Vĩnh Long;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Dương Thị Mỹ Chấm